

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH K

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/DS-ST

Ngày 31-5-2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH K

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Khen.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thủy, ông Lương Văn Huân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Quang, là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Hiêng Thị Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Cẩm Tú, sinh năm: 1979; địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện N, tỉnh K; Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trung H, bà Hà Thị N; cùng địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện N, tỉnh K; Cả hai vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà chị Bùi Thị Cẩm T trình bày: Ngày 01/3/2023 (Âm lịch) bà có cho vợ, chồng ông Nguyễn Trung H, bà Hà Thị N, trú tại tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện N, tỉnh K mượn số tiền là 200.000.000 đồng, hẹn trong vòng 05 ngày sẽ trả đầy đủ. Nhưng cho đến nay ông H, bà N vẫn chưa trả cho bà đồng nào, nay bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H, bà N trả cho bà tổng số tiền là 221.000.000 đồng, trong đó: Tiền gốc là 200.000.000 đồng; tiền lãi là 21.000.000 đồng, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Trước khi mở phiên tòa bà Tú tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 9.800.000 đồng.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Trung H, bà Hà Thị N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt: Thông báo thụ lý vụ án số: 236/TB-TLVA ngày 07/12/2023;

Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số: 93/2023/TB-TA ngày 26/12/2023 nhưng bị đơn không có mặt tại nơi cư trú, do đó Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết công khai các Thông báo nói trên theo quy định. Trong thời gian niêm yết bị đơn không có ý kiến, không có yêu cầu phản tố gửi đến Tòa án, phiên hòa giải không thể hòa giải được vì vắng mặt ông H, bà N.

Tòa án đã tiến hành xác minh về việc ông H, bà N vắng mặt tại nơi cư trú, Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông H, bà N trên Báo, Đài theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nhưng ông H, bà N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến hoặc tin tức gì, do đó Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú: Nguyên đơn đã nộp chi phí Đăng tin trên báo, đài là 3.000.000 đồng.

Về tiền tạm ứng án phí: Nguyên đơn đã nộp tạm ứng là 5.525.000 đồng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, nội dung tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng, thủ tục giải quyết, thời hạn giải quyết đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Bùi Thị Cẩm T, buộc ông Nguyễn Trung H, bà Hà Thị N phải trả cho bà Bùi Thị Cẩm T tổng số tiền là 211.200.000 đồng và chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện tính lãi của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Trung H, bà Hà Thị N vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Trung H, bà Hà Thị N. Thấy rằng ông H, bà N vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai, thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật, căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Trung H, bà Hà Thị N.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Vụ việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản có tính lãi giữa cá nhân với cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa bà Bùi Thị Cẩm T vẫn giữ nguyên rút một phần yêu cầu tính lãi với số tiền là 9.800.000 đồng và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Trung H, bà Hà Thị N phải trả cho bà T tổng số tiền là 211.200.000 đồng; trong đó: Tiền gốc là 200.000.000 đồng; tiền lãi là 11.200.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bà T đã cung cấp cho Tòa án

01 giấy mượn tiền đề ngày 01/3/2023 (Âm lịch) có chữ ký của ông Nguyễn Trung H, bà Hà Thị N.

Như vậy hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn giữa bà Bùi Thị Cẩm T và ông Nguyễn Trung H, bà Hà Thị N đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đến hạn trả nợ ông H, bà N không hoàn thành nghĩa vụ trả nợ nên đã vi phạm hợp đồng, do đó bà T khởi kiện và yêu cầu ông H, bà N phải trả số tiền là 211.200.000 đồng, trong đó: Tiền gốc là 200.000.000 đồng; tiền lãi là 11.200.000 đồng là có căn cứ.

Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu tính lãi là 9.800.000 đồng trong số tiền 21.000.000 đồng tính lãi ban đầu, xét thấy việc nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên được chấp nhận. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Thấy rằng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, niêm yết công khai, thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và các văn bản tố tụng của vụ án, nhưng ông H, bà N đều không có ý kiến đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật tố tụng Dân sự có thể khẳng định: Chứng cứ mà nguyên đơn (bà T) cung cấp là hợp lệ, do đó Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở và căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Cẩm T đề ngày 06/12/2023 về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Trung H, bà Hà Thị N phải trả tổng số tiền nợ đến ngày 06/12/2023 là 211.200.000 đồng; trong đó: Tiền gốc là 200.000.000 đồng; tiền lãi là 11.200.000 đồng, theo quy định tại Điều 463; 466; 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về chi phí tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú: Bà Bùi Thị Cẩm T đã nộp 3.000.000 đồng; Trong đó: Tiền đăng báo công lý là 1.500.000 đồng; tiền phát sóng trên Đài phát thanh đài tiếng nói Việt Nam là 1.500.000 đồng. Tại tòa bà T nhận chịu toàn bộ chi phí này và không có ý kiến gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91; 144; 147; 186, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; 466; 470; 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử như sau:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 12 năm 2023 của nguyên đơn bà Bùi Thị Cẩm T.

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Trung H, bà Hà Thị N phải trả cho nguyên đơn bà Bùi Thị Cẩm T tổng số tiền là 211.200.000 đồng; trong đó: Tiền gốc là 200.000.000 đồng; tiền lãi là 11.200.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật thi hành nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho bên được thi hành án, thì bên được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án và bên phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 9.800.000 đồng.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Trung H, bà Hà Thị N phải chịu án dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.560.000đ (Mười triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Bùi Thị Cẩm T số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 5.525.000đ (Năm triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai ký hiệu: BLTU/23 số: 0001952 ngày 07/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 31/5/2024.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã Ký)**

Nguyễn Bá Khen

